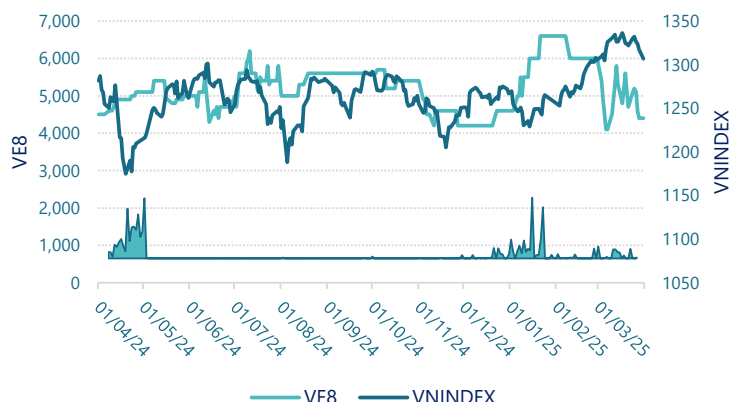


CTCP Xây dựng điện VNECO 8 (HNX: VE8)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	1,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,950
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8
P/E	
EPS	

DT thuần

Q1/25

0.06

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.07| -98.8%

LN sau thuế

Q1/25

-2.36

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.98| -520%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-43.0%

+/- YoY: ▼ 29.0%

DT thuần

2024

27.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.30| -18.7%

LN sau thuế

2024

-20.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.50| -71.3%

ROE

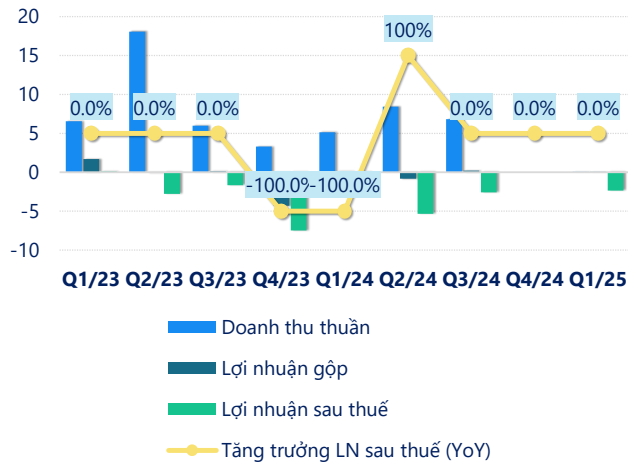
2024

224%

+/- YoY: ▲ 393%

tỷ VNĐ

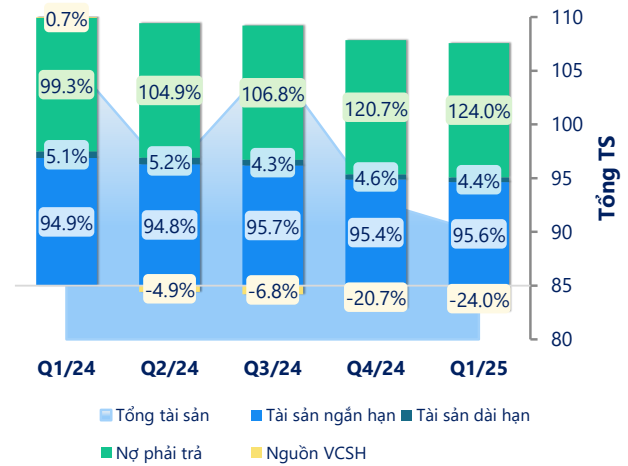
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

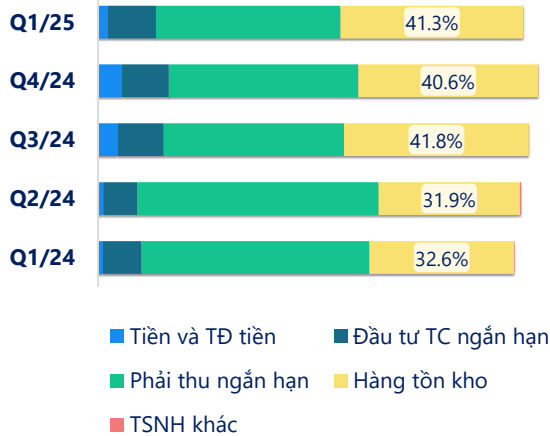
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



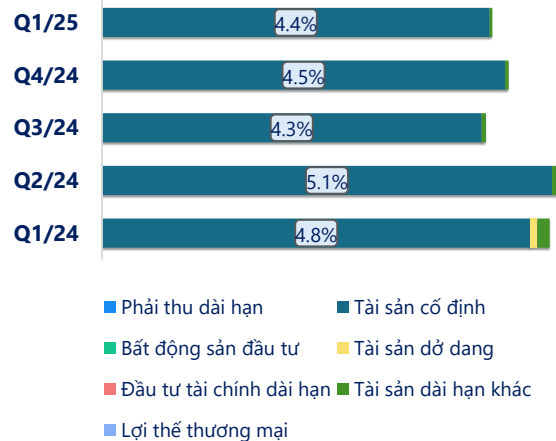
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

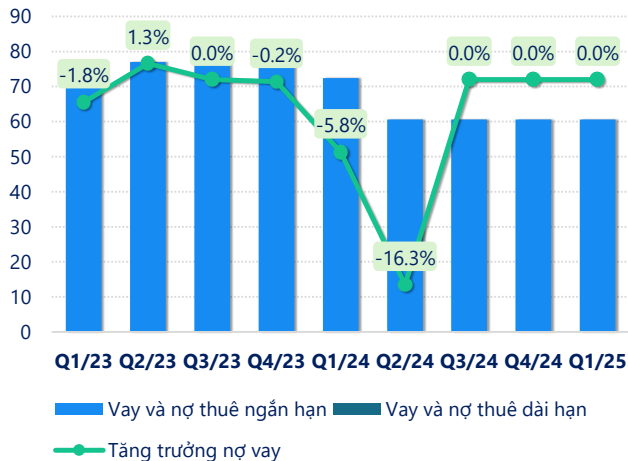
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

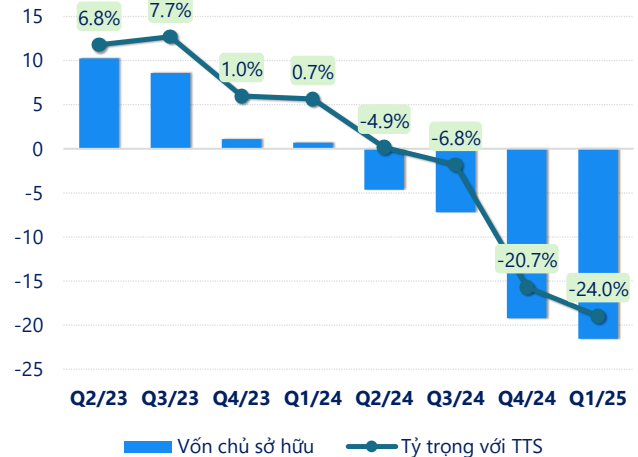
Nợ vay



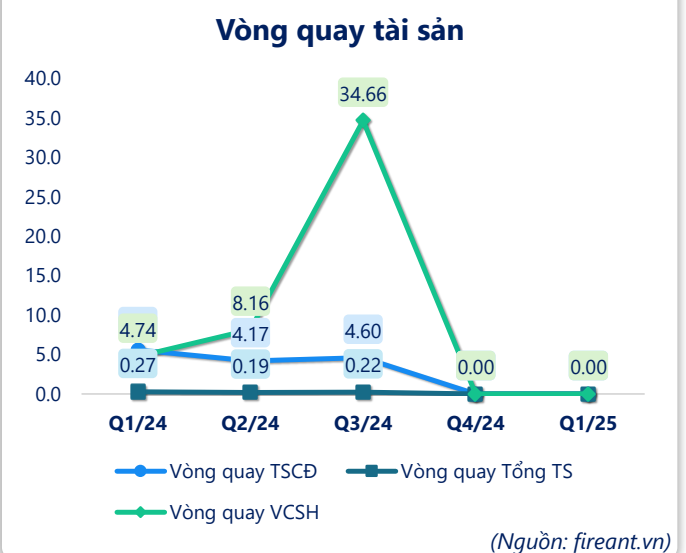
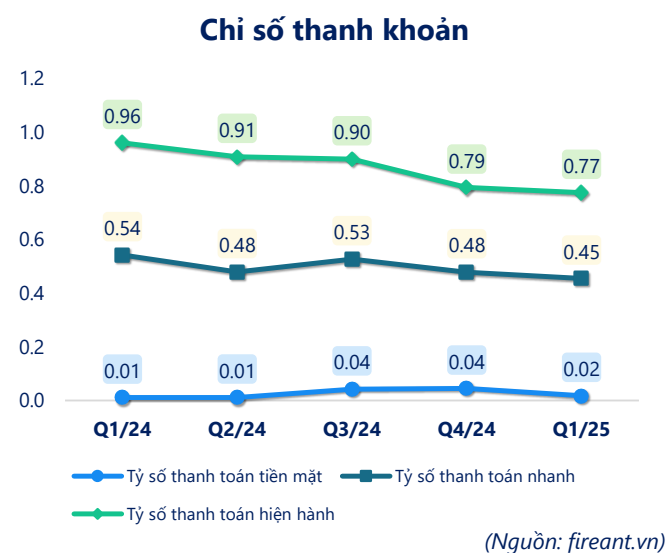
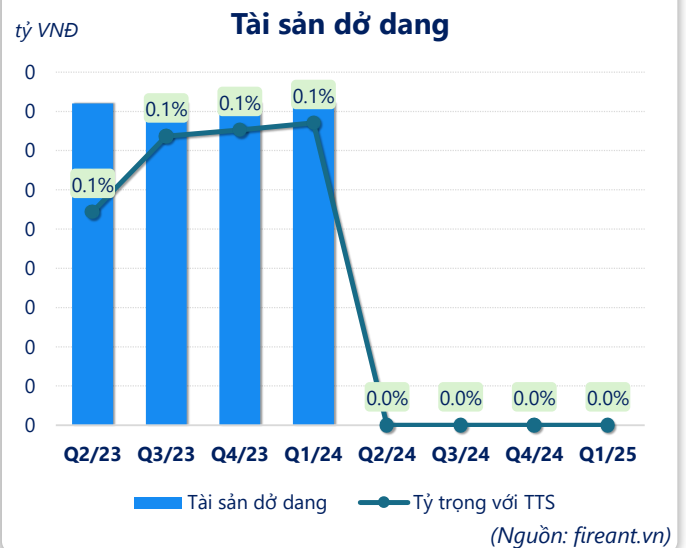
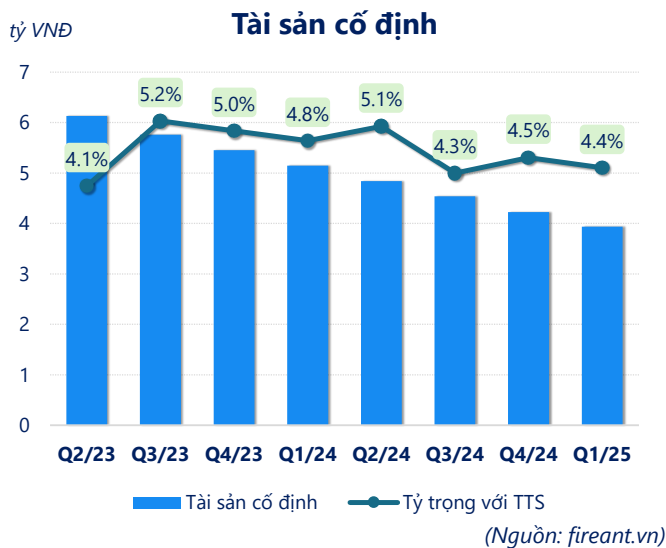
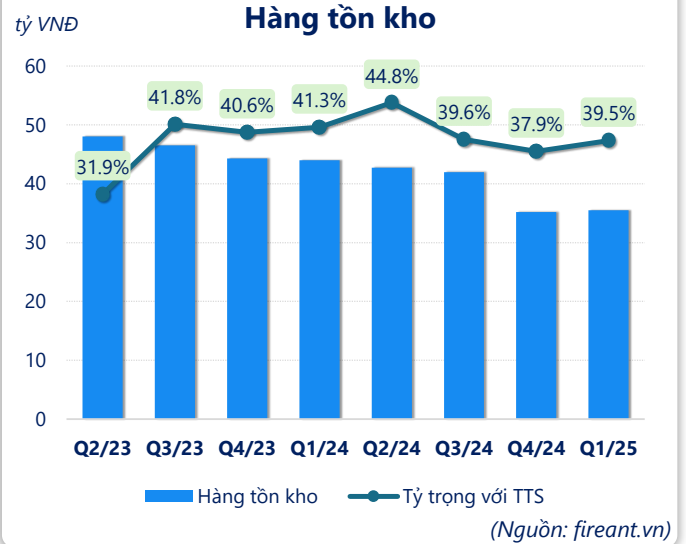
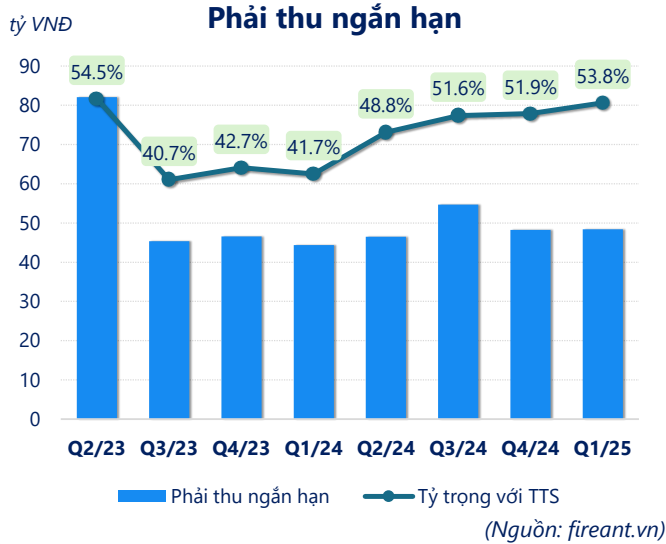
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	106	95.4	106	92.9	90.0
Tài sản ngắn hạn	101	90.4	101	88.6	86.0
Tiền và tương đương tiền	1.17	1.15	4.72	5.02	1.99
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	44.3	46.5	54.7	48.2	48.4
Hàng tồn kho	44.0	42.7	42.0	35.2	35.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.04	0.02	0.16	0.16
Tài sản dài hạn	5.38	4.94	4.59	4.26	3.96
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	5.15	4.84	4.54	4.22	3.94
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.15	0.10	0.06	0.04	0.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	106	100	113	112	112
Nợ ngắn hạn	105	99.5	113	112	111
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.4	60.6	60.6	60.6	60.6
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	12.8	24.1	19.8	17.2
Nợ dài hạn	0.47	0.47	0.47	0.47	0.47
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0.70	-4.64	-7.22	-19.2	-21.6
Vốn chủ sở hữu	0.70	-4.64	-7.22	-19.2	-21.6
Vốn điều lệ	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)